

MỤC LỤC

ĐẤT VẤN ĐỀ.....	3
1. Tính cấp thiết việc lập kế hoạch.....	3
2. Cơ sở pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất.....	4
3. Mục đích	9
Phần II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	11
1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường Error! Bookmark not defined.	
2. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	12
Phần III. CÁC CHUYÊN ĐỀ.....	21
MỤC 1. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT TRỒNG LÚA	21
I. Hiện trạng sử dụng đất và đánh giá kết quả sử dụng đất trồng lúa	Error! Bookmark not defined.
Bookmark not defined.	
II. Kế hoạch sử dụng đất trồng lúa năm 2024.....	22
MỤC 2. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG SẢN XUẤT	23
I. Hiện trạng sử dụng đất và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất	Error! Bookmark not defined.
II. Kế hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2024.....	Error! Bookmark not defined.
MỤC 3. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN.....	34
I. Hiện trạng sử dụng đất và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản.....	Error! Bookmark not defined.
II. Kế hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2024	Error! Bookmark not defined.
defined.	
MỤC 4. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP	29
I. Hiện trạng và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Error! Bookmark not defined.
II. Kế hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2024	29
MỤC 5. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT ĐÔ THỊ, ĐẤT GIAO THÔNG, ĐẤT THỦY LỢI.	32

I. Hiện trạng và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đô thị, đất giao thông, đất thủy lợi 32

II. Kế hoạch sử dụng đất đô thị, đất giao thông, đất thủy lợi năm 2024.....**Error!**

Bookmark not defined.

MỤC 6. CHUYÊN ĐỀ KHU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, KHU LÂM NGHIỆP, KHU ĐÔ THỊ, KHU THƯƠNG - MẠI DỊCH VỤ, KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN 36

I. Mục tiêu 36

II. Xác định các khu vực sản xuất nông nghiệp lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn 36

PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 40

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường 40

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất..... 40

4.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất 40

4.4. Các giải pháp khác 41

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 43

1. Kết luận 43

2. Kiến nghị 43

ĐẤT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết việc lập kế hoạch

Đất đai là nguồn tài nguyên có hạn và vô cùng quý giá của mỗi quốc gia. Đất đai không chỉ là đối tượng lao động mà còn là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư. Đất đai có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác lập quy hoạch và kế hoạch việc sử dụng đất là việc làm cần thiết và quan trọng - nhằm bố trí quỹ đất cho các lĩnh vực và đối tượng sử dụng hợp lý, có hiệu quả, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, tránh được sự chòng chẹo, gây lãng phí trong sử dụng đất và hạn chế sự hủy hoại đất đai, phá vỡ môi trường sinh thái. Đây là nội dung quan trọng để Nhà nước quản lý về đất đai, được thể chế hóa trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả”. Luật Đất đai năm 2013 quy định tại Chương 4 Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai Điều 22 của Luật Đất đai. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định từ điều 7 đến điều 12 tại Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ và Thông Tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy trình lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Từ những lý do trên, yêu cầu cấp thiết cần lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Đồng Văn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo sử dụng nguồn tài nguyên đất này một cách khoa học, hợp lý, đúng mục đích và có hiệu quả.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, cùng với sự phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn tổ chức triển khai lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đồng Văn - tỉnh Hà Giang”**.

Nhằm đảm bảo chủ động được quỹ đất có phương án quy hoạch khoa học hợp lý đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, người dân và doanh nghiệp, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2024, khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện Đồng Văn, đồng thời sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững. Việc xây dựng báo cáo các chuyên đề huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang một cách chuyên sâu và cụ thể là hết sức cần thiết và hoàn toàn phù hợp.

2. Cơ sở pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất

2.1. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017

Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

Nghị định Số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, về sửa đổi, sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 của Chính phủ v/v sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/07/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Quy hoạch tỉnh Hà Giang, thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/3/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức Kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị CVĐC toàn cầu CNĐ Đồng Văn giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến 2030;

Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 02/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số: 2057/QĐ-TTg, ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch đầu tư tổng thể phát triển du lịch khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/04/2019 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của UBND tỉnh Hà Giang về việc công nhận khu vực trung tâm xã Đồng Văn huyện Đồng Văn đạt tiêu chí đô thị loại V;

Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hà Giang đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 11/08/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025;

Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống bến và mạng lưới tuyến vận tải hành khách tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang v/v Phê duyệt điều chỉnh đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 – 2025.

Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đồng Văn;

Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 11/08/2019 của UBND tỉnh Hà Giang về việc công nhận thị trấn Phố Bàng huyện Đồng Văn là đô thị loại V;

Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020-2024;

Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đồng Văn – Trung tâm du lịch văn hóa lịch sử thuộc Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đồng Văn – Trung tâm du lịch văn hóa lịch sử thuộc Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đồng Văn;

Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang;

Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Hà Giang Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang;

Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 21/05/2010 của UBND huyện Đồng Văn về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm thị trấn Phố Bảng huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang;

Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật điều chỉnh diện tích, loại đất các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xí Mần;

Văn bản số 568/UBND-KTTH ngày 08/3/2023 của UBND tỉnh V/v phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Hà Giang;

Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2023 (bổ sung đợt 2) trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Công văn số 3269/UBND-KTTH ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ, về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

Văn bản số 2366/UBND-KTTH ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc Lập, trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện;

Công văn số 2831/STNMT-QLĐĐ ngày 15/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, về việc đôn đốc triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thành phố.

2.2. Cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị CVĐC toàn cầu CND Đồng Văn giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số: 2057/QĐ-TTg, ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Quy hoạch đầu tư tổng thể phát triển du lịch khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc công nhận khu vực trung tâm xã Đồng Văn huyện Đồng Văn đạt tiêu chí đô thị loại V;

Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hà Giang đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 11/08/2014 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống bến và mạng lưới tuyến vận tải hành khách tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc Phê duyệt điều chỉnh đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đồng Văn;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 11/08/2019 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc công nhận thị trấn Phố Bảng huyện Đồng Văn là đô thị loại V;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang, về ban hành bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020-2024;

Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND tỉnh Hà Giang, phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đồng Văn - Trung tâm du lịch văn hóa lịch sử thuộc Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 454/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc phê duyệt số liệu hiện trạng rừng và đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp tỉnh Hà Giang năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 21/05/2010 của UBND huyện Đồng Văn, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm thị trấn Phố Bảng huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 2/3/2021 của UBND huyện Đồng Văn, về việc phê duyệt số liệu hiện trạng rừng và đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp huyện Đồng Văn năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật điều chỉnh diện tích, loại đất các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xí Mần;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2024 (bổ sung đợt 2) trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 5/7/2023 của HĐND huyện Đồng Văn về phê duyệt danh mục dự án đầu tư 03 chương trình MTQG gian đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Đồng Văn;

Căn cứ Quy hoạch phát triển các ngành: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi...trên địa bàn huyện Đồng Văn;

Căn cứ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Đồng Văn năm 2023.

3. Mục đích

- Phân định rõ và cụ thể các khu chức năng trong phương án quy hoạch sử

dụng đất từ đó hình thành hệ thống các khu chức năng trên địa bàn huyện;

- Là cơ sở để xác định chỉ tiêu sử dụng đất chi tiết tới từng khu chức năng;
- Các bản đồ chuyên đề tạo ra cái nhìn đa dạng về các chuyên đề, từ tổng quan đến chi tiết góp phần tăng cường quản lý quy hoạch trên địa bàn cho các cơ quan, chức năng.

Phần II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Đồng Văn là một huyện miền núi cao nằm ở Bắc của tỉnh Hà Giang, trung tâm huyện cách huyện Hà Giang - trung tâm của tỉnh khoảng 150 km về phía Bắc. Vị trí địa lý của huyện tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;
- Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Mèo Vạc;
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Yên Minh;

Toàn huyện có 19 đơn vị hành chính cấp xã gồm 17 xã và 02 thị trấn, với tổng diện tích tự nhiên là 45.308,24 ha.

1.2. Địa hình, địa mạo

Đồng Văn là một phần của cao nguyên đá vôi, địa hình đặc trưng là núi đá, độ cao trung bình so với mặt nước biển là 1.600 m. Nhìn chung, địa hình khá phức tạp, chia cắt mạnh và thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông nam. Toàn huyện chia làm 2 dạng địa hình chính là:

Địa hình núi đất: gồm 5 xã là Lũng Cú, Ma Lé, Phó Là, Phó Cáo, Sủng Trái và 02 thị trấn Đồng Văn, Phó Bảng.

Địa hình núi đá: gồm 12 xã còn lại là Hồ Quảng Phìn, Lũng Phìn, Lũng Táo, Lũng Thầu, Sảng Tùng, Sính Lũng, Sủng Là, Tả Lũng, Tả Phìn, Thái Phìn Tùng, Văn Chải, Xà Phìn.

Trên toàn huyện, diện tích đất có độ dốc trên 25° là lớn nhất, những vùng có địa hình thấp hơn 3° chỉ chiếm diện tích nhỏ. Điều này đã gây khó khăn cho việc canh tác, phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp cũng như sinh hoạt của nhân dân.

1.3. Khí hậu và thời tiết

Là một huyện nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng mang tính lục địa khá rõ nét. Lượng mưa trung bình tương đối lớn khoảng 1.750 - 2.000mm, tập trung từ tháng 5 đến tháng 8.

Lượng nước bốc hơi trung bình đạt khoảng 729 mm.

Nhiệt độ trung bình năm là $23,1^{\circ}\text{C}$, tháng trung bình cao nhất của năm là $28,3^{\circ}\text{C}$ và thấp nhất là $15,7^{\circ}\text{C}$.

Độ ẩm trung bình cả năm là 84%, tháng có độ ẩm thấp nhất là 78%, cao

nhất là 86%. Trên địa bàn huyện vào các tháng trong năm, độ ẩm ít có sự chênh lệch.

Nhìn chung, do nằm trên cao nguyên đá vôi nên khả năng giữ nước kém nên một số vùng trong huyện gặp phải tình trạng thiếu nước trầm trọng vào mùa khô. Bên cạnh đó, trong huyện còn xuất hiện sương muối, thỉnh thoảng có năm gặp mưa tuyết nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất. Đây là thử thách không nhỏ đặt ra cho các cơ quan chuyên ngành khắc phục tình trạng trên bằng cách bố trí thời vụ phù hợp để cây trồng cho năng suất cao, tránh những lúc thời tiết khắc nghiệt, ảnh hưởng tới hiệu quả của sản xuất.

Đồng Văn có sông Nho Quế chảy qua dọc theo ranh giới phía Đông Bắc của huyện và một hệ thống các dòng suối lớn, nhỏ chảy qua nhưng lưu lượng của những dòng suối này khác nhau, không ổn định theo mùa. Đặc biệt, chỉ có 2 con suối chảy vào sông Nho Quế, một ở phía Nam xã Lũng Cú (suối Tác Tùng) và một ở phía Bắc thị trấn Đồng Văn (suối Sáo Hồ) có nước quanh năm và lưu lượng dòng chảy khá lớn vào mùa mưa nên đủ nước cung cấp cho đồng bào dân tộc trong vùng rộng và tạo điều kiện xây dựng trạm thủy điện nhỏ. Còn lại là những con suối nhỏ nên một số xã gặp phải tình trạng thiếu nước trầm trọng.

Nhìn chung, nguồn thủy văn của hệ thống sông ngòi trên địa bàn huyện có lưu lượng không đều, độ dốc lớn tạo ra dòng chảy mạnh, gây sạt lở ảnh hưởng đến sản xuất và giao thông vào mùa mưa, đồng thời việc cung cấp nước vào mùa khô cho nhân dân trong huyện gặp nhiều khó khăn.

2. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Sản xuất nông lâm nghiệp, nông thôn

- Trồng trọt: : Hoàn thành gieo trồng theo đúng cơ cấu giống, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt ước đạt 15.073,68 ha, chăm sóc phát hiện, xử lý xong 0,19 ha sâu keo mùa thu gây hại, sâu bệnh trên cây ăn quả không để lây lan ra diện rộng. Tổng sản lượng lương thực ước đạt 28.625,5 tấn, đạt 102,2 % NQ, đạt 100% KH. Thực hiện tốt công tác cảnh báo, phòng sâu bệnh hại, nên kịp thời xử lý không để lây lan ra diện rộng, ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng. Giá trị thu hoạch đất canh tác cây hàng năm đạt 38,5/38,5 triệu đồng/ha,

tăng 0,2 triệu đồng so với năm 2021, đạt 100% NQ. Triển khai hỗ trợ giống trồng Bí đỏ cô tiên, Sâm khoai gắn với tiêu thụ; hỗ trợ 16.050 giống cây ăn quả (mận 13.500 cây/3 xã Phó Là, Phó Cáo, Phó Bàng; hồng không hạt 2.550 cây tại Sủng Là, Phó Là) trồng tập trung gắn với du lịch nông nghiệp theo Nghị quyết số 15-NQ/HU ngày 27/4/2022 của Ban Thường vụ Huyện uỷ Đồng Văn; hỗ trợ giống rau bắp cải, Tam giác mạch, hướng dương, dâu tây.

- Chăn nuôi, thú y: Thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống bệnh, chống rét cho đàn vật nuôi, duy trì đàn gia súc phát triển. Hỗ trợ 100% dụng cụ vật tư, tinh thụ tinh nhân tạo bò, lợn, tiền công cho dẫn tinh viên thụ tinh nhân tạo bò (300.000 đ/ca thành công). Tổng đàn gia súc tăng trưởng được 9.433 con. Tổng đàn gia súc 138.517/136.507, đạt 101,5% kế hoạch giao, lũy kế từ đầu năm xuất bán giết mổ 60.328/58.318 con, đạt 103,4% kế hoạch giao. Tổng đàn gia cầm 662,28/657,83 nghìn con, đạt 101,9% kế hoạch. Duy trì đàn ong nội địa phương 13.500 đàn, đạt 100% kế hoạch giao. Chế biến ủ chua cỏ được 7.863,3/7.775 tấn, đạt 101,4% KH, với 10.577/12.209 hộ, chiếm 86,6% số hộ chăn nuôi trâu bò thực hiện, đạt 123,76% KH tỷ lệ số hộ chế biến ủ chua cỏ. Thụ tinh nhân tạo bò được 1.196/1.000 con, đạt 119,6% KH. Thụ tinh nhân tạo lợn 508/400 con, đạt 127%KH. Duy trì 78 hộ chăn nuôi quy mô gia trại hoạt động trên 18 xã, thị trấn.

- Lâm nghiệp: Thực hiện đề án trồng 1 tỷ cây xanh năm 2022 gắn với Tết trồng cây được 309,46/204 nghìn cây, đạt 151,7% KH, chăm sóc đảm bảo tỷ lệ sống 100%; chăm sóc 142,89 ha rừng trồng các năm, thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, khoanh nuôi bảo vệ 21.389,3 ha rừng, đạt 100% NQ, KH, ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt 41%, đạt 100% NQ, KH. Phối hợp thực hiện chi trả kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2022 được 15.488,22 triệu đồng, đạt 100% KH. Tổ chức hội thi tuyên truyền tìm hiểu chính sách Dịch vụ môi trường rừng với 5 đội/5 xã, thị trấn tham gia. Thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi bảo vệ 21.389 ha rừng, đạt 100% NQ, duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt 41%, đạt 100% nghị quyết, kế hoạch giao.

- Công tác khuyến nông: Phối hợp mở 6 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 180 học viên; tổ chức 01 Chương trình tọa đàm “Giải pháp phát triển bền vững cây ăn quả ôn đới” tại trung tâm giống cây trồng và vật nuôi Phố Bảng với 70 đại biểu tham dự; hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc 1,8 ha cây lê tại Đồng Văn, Phố Bảng, Phố Là, năng suất bình quân đạt 10,6 tấn/ha; theo dõi các mô hình chuyển tiếp và nhân rộng một số mô hình có hiệu quả. Phối hợp tuyên truyền, kiểm tra cơ sở, rà soát hướng dẫn ký cam kết theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT được 276 cơ sở, hộ sản xuất; đăng ký gia hạn, cấp lại chứng nhận đã hết hạn trong năm 2022, đăng ký tự công bố sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp

2.2. Thương mại - Dịch vụ

- Thương mại, dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa trên địa bàn đạt 599,5 tỷ đồng, đạt 105,1% kế hoạch, bằng 107,7% so với cùng kỳ năm trước. không có hiện tượng đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác phòng chống buôn lậu gian lận thương mại và hàng giả, hàng kém chất lượng, các lực lượng chức năng đã kiểm tra, xử lý 23 trường hợp vi phạm nộp ngân sách nhà nước 55,2 triệu đồng. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, phục vụ hoạt động phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của huyện. Tiếp tục duy trì hoạt động 09 chợ; làm việc, thống nhất với các Sở, ngành của tỉnh về nội dung đề xuất di chuyển chợ xã Lũng Phìn, đẩy nhanh tiến độ công trình Chợ Lũng Cú, Chợ Sủng Trái.

- Hoạt động du lịch: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết về bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Unesco Cao nguyên đá Đồng Văn. Xây dựng hoàn thiện các sản phẩm du lịch sẵn có thành các sản phẩm có thương hiệu, có tính cạnh tranh cao và khảo sát tài nguyên trên địa bàn để đề xuất sản phẩm du lịch mới. Đã ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động du lịch trong điều kiện bình thường mới; kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch huyện Đồng Văn giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; hoàn thành xây dựng và được UBND tỉnh công nhận lần 2 “làng văn hóa du lịch tiêu biểu

gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP” thôn Lô Lô Chải xã Lũng Cú; triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án 501 của UBND tỉnh tại Làng văn hóa du lịch thôn Lũng Cẩm Trên, xã Sủng Là. Triển khai các giải pháp quản lý hoạt động du lịch; kiện toàn lại chi hội khách sạn nhà hàng và du lịch huyện; tổ chức Hội nghị gặp mặt đối thoại với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện. Tổng lượng khách đến tham quan tại các điểm du lịch trên địa bàn đạt 690.550 lượt khách, bằng 1.534,6% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 107,9% kế hoạch giao. Doanh thu từ du lịch dịch vụ đạt 765,7 tỷ đồng, bằng 455,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 453,1% so với kế hoạch giao

(Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).

2.3. Công nghiệp - Xây dựng

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Tiếp tục duy trì phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn; giá trị sản xuất các ngành nghề tiểu thủ Công nghiệp ước đạt 185 tỷ đồng, đạt 112,12% kế hoạch, vượt 14% so với cùng kỳ; tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98%, bằng 103,1% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 100% kế hoạch giao; tỷ lệ thôn biên giới có điện đạt 97,06%, bằng 100,1% so với cùng kỳ năm trước đạt 97,1% kế hoạch giao; tỷ lệ thôn biên giới có đường giao thông đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới đạt 94,12%, bằng 107% so với năm 2021 và đạt 105,8% kế hoạch giao. Rà soát một số sản phẩm của địa phương có thể mạnh để tập trung xây dựng thương hiệu, bao bì phát triển thành sản phẩm ocop như: Phở sâm khoai; bánh đá, đậu xị Phó Bảng; Cà phê Tam giác mạch; Bạch trà, Hồng trà, chè xanh Lũng Phìn.

- Giao thông, xây dựng: Thực hiện tốt công tác quản lý vận tải hành khách, quản lý giờ giấc xuất bến của các phương tiện, đảm bảo an toàn trong quá trình vận tải. Triển khai lắp đặt hệ thống gương cầu lồi (39 gương) trên các tuyến đường (Thài PhìnTùng - Sủng Trà; Ngã ba Thẩm Mã - Lũng Thầu; Phó Bảng - Phó Là; Sảng Tùng - Hố Quảng Phìn). Thường xuyên kiểm tra, cấm biển báo các điểm có nguy cơ sạt lở, xử lý kịp thời, đảm bảo giao thông, thông suốt trong các ngày nghỉ, lễ, tết. Công tác duy tu, bảo dưỡng công trình giao thông được thực hiện thường xuyên. Tỷ lệ thôn biên giới có đường giao thông đạt tiêu

chuẩn nông thôn mới đạt 91%, bằng 103,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 102,3% kế hoạch giao. Trong năm triển khai sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường huyện, xã và chỉnh trang hạ tầng giao thông đô thị nhằm đảm bảo giao thông trên địa bàn huyện. các xã, thị trấn đã triển khai lắp đặt mới 1205 hệ thống đèn chiếu sáng cho 113/34 tuyến đường trục thôn và các trục đường trung tâm các xã, thị trấn đảm bảo đủ ánh sáng về ban đêm đạt 332,6% so với kế hoạch (các xã, thị trấn triển khai nhân rộng tiêu chí sáng thêm được 79 tuyến đường trục thôn và các trục đường trung tâm các xã, thị trấn), số km đường thực hiện được là 62 km tăng 28 km so với kế hoạch. Tổng số kinh phí huy động thực hiện tiêu chí đến nay là 2,9 tỷ đồng (trong đó 0,6 tỷ đồng ngân sách huyện, xã; 2,3 tỷ đồng huy động từ nhân dân đóng góp và các nguồn xã hội hóa).

(Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).

2.4. Phát triển Nông nghiệp - xây dựng Nông thôn mới:

Bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh; Huyện đã ban hành Nghị quyết, kế hoạch để triển khai thực hiện đồng thời phát động phong trào thi đua thực hiện xây dựng Nông thôn mới gắn với cải tạo vườn tạp năm 2022 ngay từ đầu năm; thực hiện công tác vệ sinh môi trường, phát triển sản xuất, nâng cao nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; phát động phong trào dân vận khéo thi đua xây dựng "tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp" Tổ chức tuyên truyền, vận động, ra quân được 259 buổi với 7.168 người tham gia; nhân dân hiến đất được 18.083m²; đóng góp được 6.635 ngày công; nâng cấp được 6.080m đường GTNT; mở mới đường đất đá lũy kế được 8.729m; Nhân dân thực hiện lán, bó nền nhà 124 (hộ); XD nhà tắm 147 (Công trình); XD nhà vệ sinh 176 (Công trình); di dời chuồng trại được 47 công trình; xây dựng bể nước được 83 bể; mô hình sản xuất được 13 mô hình. Hoàn thành tiếp nhận 1.569 tấn xi măng, thi công 24,67 km đường đạt 100% kế hoạch giao; Lập quy hoạch chung 05 xã; Nâng cấp, cải tạo sửa chữa 02 công trình thủy lợi; 02 trường học chính, 12 điểm trường; 17 công trình nhà văn hoá thôn; Triển khai thực hiện hỗ trợ hộ gia đình xây dựng các hạng mục phụ trợ (nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước, chuồng trại, lán bó nền nhà) thuộc Chương trình xây dựng nông

thôn mới. Tại 08 thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 và xã Sủng Là hoàn thành tiêu chí môi trường; Thực hiện tiêu chí điện, tiêu chí giao thông tại thôn biên giới đạt 100 % Nghị quyết của HĐND huyện giao; hoàn thành 7/8 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch tỉnh giao, đạt 87,5% KH huyện giao (đang triển khai thẩm tra, thẩm định); hoàn thành tăng 08 tiêu chí. Qua rà soát đánh giá theo bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 1174/QĐ-UBND, ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Hà Giang, về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025; trong đó 33 tiêu chí nội dung còn đạt thấp theo yêu cầu của tiêu chí mới (có chỉ tiêu quy định nâng cao), giảm so với bộ tiêu chí cũ; tổng tiêu chí đạt được trên địa bàn huyện 191 tiêu chí, bình quân đạt 11,2 tiêu chí/xã; 03 xã đạt 9 tiêu chí, 06 xã đạt 10 tiêu chí, 08 xã đạt 11-15 tiêu chí (xã Lũng Cú đạt chuẩn giảm 03 tiêu chí).

(Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).

2.5. Thực trạng phát triển các ngành văn hóa - xã hội

*** Giáo dục - Đào tạo:**

Tập trung thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của BCH Đảng bộ huyện, các chỉ tiêu được HĐND và UBND giao về công tác giáo dục. Thực hiện quyết định của chủ tịch UBND tỉnh về việc cho học sinh nghỉ học trực tiếp để phòng chống dịch Covid- 19; rà soát, đánh giá sắp xếp lại các điểm trường, lớp ghép, ban hành kế hoạch phân luồng, tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023. Hoàn thành, tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 đảm bảo an toàn, không có trường hợp vi phạm quy chế; Tổ chức Hội nghị tổng kết và tuyên dương giáo viên, học sinh có thành tích xuất sắc năm học 2021-2022. Tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2022; thực hiện chi trả các chế độ, chính sách cho học sinh năm học 2021-2022; triển khai tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2022. Tổ chức thành công các cuộc thi và kỳ thi cho giáo viên và học sinh, kết quả có 15 giáo viên mầm non đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và 10 giáo viên THCS đạt giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh, 127 học sinh THCS được công nhận đạt giải học sinh giỏi cấp huyện và 12 học sinh lớp 9 đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh. Công tác

xã hội hóa giáo dục được quan tâm thực hiện, các đơn vị trường học trên địa bàn huyện đã nhận được quà, hiện vật quy ra tiền và tiền mặt trị giá 10 tỷ đồng. Tuyên truyền, vận động học sinh đến lớp đảm bảo sỹ số học sinh tại các đơn vị trường học: Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 100%, đạt 100% kế hoạch giao; tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường đạt 99%, đạt 100% kế hoạch giao; tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, đạt 100% kế hoạch giao; tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT đạt 71,38%, đạt 100% so với kế hoạch giao; lũy kế trường chuẩn quốc gia đạt 39,2% (20/51 trường, tăng 02 trường so với năm 2021), đạt 100% kế hoạch giao; tỷ lệ duy trì sỹ số học sinh hàng ngày đạt 98%, đạt 100% kế hoạch giao.

(Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).

** Văn hóa - Thông tin*

Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình số 33-CTr/HU ngày 21/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, giai đoạn 2021-2025; kế hoạch thực hiện Chương trình số 30-CTr/HU ngày 21/01/2022, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Giang, giai đoạn 2021-2025. Triển khai xây dựng Bia lưu niệm Sùng Mí Chảng; hoàn thành việc khôi phục điểm Di tích khảo cổ, danh thắng ranh giới thời địa tầng Frasni/Famen (F/F) tại thôn Sì Phài thị trấn Đồng Văn. Tổ chức thành công Lễ hội khèn Mông lần thứ VII và Đại hội TDTT cấp huyện lần thứ III năm 2022. Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử, thường xuyên biên tập và đăng 578 tin, 619 ảnh, sản xuất 214 chương trình phát thanh, 470 tin, 64 bài viết phóng sự, 12 chuyên trang truyền hình, 6 chuyên trang tiếng nói từ địa phương; kiểm tra và sửa chữa 244 hệ thống loa FM Internet tại các xã, thị trấn. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 92%, đạt 102% kế hoạch giao; tỷ lệ hộ có ti vi đạt 78,5%, 3,29% so với cùng kỳ và đạt 100% kế hoạch giao; duy trì 03 làng văn hoá du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch. Chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ cho công tác tái đánh giá Công viên địa chất

toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn lần thứ III năm 2022, đã hoàn thành đánh giá vào ngày 18-19/8/2022.

(Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).

*** Công tác Y tế**

Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh; tiếp tục thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, duy trì công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện và Trạm Y tế các xã, thị trấn; việc thực hiện quy trình khám chữa bệnh bằng BHYT được mọi người dân chấp hành tuân thủ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho người bệnh về các dịch vụ y tế. Thực hiện khám chữa bệnh cho 85.559/55.000 KH giao, đạt 155,56% KH. Các chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế được triển khai đồng bộ: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,8%, giảm 0,03% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 100% so với kế hoạch giao; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (theo cân nặng) giảm còn 19,3%, giảm 0,5% so với cùng kỳ, đạt 100% so với kế hoạch giao; Số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm và uống đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh đạt 95%, bằng so với cùng kỳ, đạt 100% so với kế hoạch giao; duy trì 19/19 xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đạt 100% kế hoạch giao. Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 huyện tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt các biện pháp kiểm soát, phòng chống dịch, tính đến ngày 01/12/2022 trên địa bàn huyện không có ca mắc và tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Lũy kế tiêm phòng đến 01/12 như sau: Đối tượng 18 tuổi trở lên: Mũi 1 đạt 99,46%, mũi 2 đạt 99,94%, mũi 3 (nhắc lại lần 1) đạt 96,58%, mũi 4 (nhắc lại lần 2) đạt 106,56%. Đối tượng từ 12-17 tuổi: Mũi 1 đạt 101,5%, mũi 2 đạt 99,66%, mũi 3 (nhắc lại lần 1) đạt 81,02%. Đối tượng từ 5 đến dưới 12 tuổi: Mũi 1 đạt 107,6%, mũi 2 đạt 96,08%..

(Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).

*** Công tác chính sách xã hội, giải quyết việc làm.**

Ban hành Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 11/3/2022 về giải quyết việc làm cho người lao động trong thích ứng an toàn, linh hoạt với tình hình dịch Covid-19 giai đoạn 2022-2025. Tổ chức gặp mặt động viên 42 lao động đi lao

động ngoại tỉnh đầu năm tại xã Phố cáo; Phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh, công ty TNHH DOSUNG VINA, công ty cổ phần Thủy sản khu vực I Việt Nam tổ chức 35 hội nghị tư vấn giới thiệu việc làm tại 19 xã, thị trấn năm với 1.906 lao động tham gia; Phối hợp với trường cao đẳng Than-Khoáng Sản Việt Nam tổ chức 16 hội nghị tư vấn tại các xã, thị trấn với 346 lao động tham gia; Phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Hà Giang tổ chức hội chợ việc làm năm 2022 trên địa bàn huyện với 15 gian hàng của các công ty, doanh nghiệp tham dự, thu hút hơn 700 lao động tham gia Kết quả năm 2022 quyết việc làm mới là 7.135 lao động bằng 193,62% so với năm 2021 đạt 203,86% kế hoạch huyện giao (7.135/3.500); tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 45,9%, tăng 4,05% so với năm 2021, đạt 100% kế hoạch giao; không có lao động đi làm thuê bất hợp pháp tại Trung Quốc phát sinh mới, số lao động đã trở về là 241 lao động, số lao động hiện tại đang ở Trung Quốc là 216 lao động. Bố trí vốn của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để thực hiện đào tạo nghề theo Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 12/4/2022 đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho lao động nông thôn năm 2022 và kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 23/9/2022, điều chỉnh, bổ sung đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho lao động nông thôn Số lớp đào tạo nghề dưới 03 tháng là 13 lớp = 400 học viên, 01 lớp xã hội hóa 34 học viên. Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở: Tiếp tục kêu gọi huy động các nguồn lực để hỗ trợ nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo và hộ nghèo có khó khăn về nhà ở, trong năm đã hỗ trợ cho 69 hộ thực hiện (nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 20 hộ, tổ chức rừng xanh 17 hộ, huyện kêu gọi hỗ trợ được 32 hộ); tổng kinh phí đã tiếp nhận hỗ trợ là 4,31 tỷ đồng.

Phần III. CÁC CHUYÊN ĐỀ

MỤC 1. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT TRỒNG LÚA

1. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa

Diện tích là 800,26 ha, chiếm 1,76% tổng diện tích tự nhiên, (trong đó toàn bộ là diện tích đất trồng lúa nước còn lại). Phân bố trên địa bàn 17 xã thị trấn nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: TT Đồng Văn (188,69 ha), xã Má Lè (143,68 ha), ... Trong giai đoạn thực hiện kế hoạch tới cần đầu tư các công trình thủy lợi để tăng sản lượng lương thực cho nhân dân trên địa bàn huyện.

Diện tích đất trồng lúa phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	188,69
2	TT Phố Bàng	30,73
3	Xã lũng Thầu	3,80
4	Xã Phố Là	52,67
5	Xã Ma Lè	143,68
6	Xã Lũng Cú	106,46
7	Xã Sủng Là	2,11
8	Xã Tả Phìn	3,95
9	Xã Tả Lũng	3,22
10	Xã Lũng Phìn	0,00
11	Xã Phố Cáo	150,64
12	Xã Sà Phìn	0,00
13	Xã Sính Lũng	0,00
14	Xã Lũng Táo	7,35
15	Xã Thái Phìn Tủng	106,97
16	Xã Hồ Quang Phìn	0,00

Huyện Đồng Văn thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa miền núi và á nhiệt đới nên không thuận lợi trong việc phát triển trồng lúa. Các giống lúa được địa phương lựa chọn trồng như: Nhị ưu 838, Việt Lai, TH 3-3, Bắc Thơm số 7, HT1, Khang dân, ...

Trong giai đoạn tới cần sử dụng diện tích đất trồng lúa tại những khu vực thuận lợi và đã được đầu tư các công trình thủy lợi để tăng sản lượng lương thực cho nhân dân trên địa bàn huyện.

2. Xác định cụ thể khu vực chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024

- Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện Đồng Văn năm 2024 với diện tích 4,54 ha cụ thể đến các xã, thị trấn như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	3,74
2	Xã Phó Là	0,15
3	Xã Má Lè	0,25
4	Xã Lũng Cú	0,15
5	Xã Phó Cáo	0,25

3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022

Trong năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Văn không có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng với mục đích trồng lúa.

4. Đánh giá tác động đến môi trường, kinh tế - xã hội

Việc chuyển đổi 4,54 ha diện tích đất trồng lúa để thực hiện một số công trình dự án đất phi nông nghiệp đã một phần tác động đến vấn đề an ninh lương thực trên địa bàn huyện, tuy nhiên việc chuyển đổi sang diện tích đất phi nông nghiệp đã được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng. Để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, huyện Đồng Văn đã có những phương án xây dựng một số công trình, dự án nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân đồng thời đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội. Một số công trình có sử dụng đất trồng lúa như:

- + Xây dựng đồn công an huyện Đồng Văn
- + ĐZ 35kV và TBA cấp điện cho thôn Sáo Lũng, xã Lũng Cú;
- + Mở mới đường đi từ thôn Sủa Pả xã Phó Cáo đi xã Phó Là.
- + Hồ dự trữ nước và điều tiết thủy lợi thị trấn Đồng Văn

MỤC 2. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG SẢN XUẤT

1. Hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất

1.1. Hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ

Diện tích là 17.959,60 ha, chiếm 39,64% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn 19 xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Má Lè, Lũng Cú, Sảng Tùng, Tả Phìn, Tả Lũng, Phó Cáo ... Diện tích rừng phòng hộ cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Đồng thời cần tiếp tục khoanh nuôi, bảo vệ đưa đất chưa sử dụng vào trồng rừng phòng hộ bảo vệ đất, nguồn nước và môi trường.

Diện tích đất rừng phòng hộ được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

STT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	733,97
2	TT Phó Bảng	590,27
3	Xã Sủng Trái	724,94
4	Xã Lũng Thầu	590,28
5	Xã Phó Là	716,33
6	Xã Má Lè	1.963,28
7	Xã Lũng Cú	1.414,89
8	Xã Vân Chải	881,51
9	Xã Sủng Là	646,55
10	Xã Sảng Tùng	1.184,99
11	Xã Tả Phìn	1.255,24
12	Xã Tả Lũng	1.456,37
13	Xã Lũng Phìn	320,77
14	Xã Phó Cáo	1.847,87
15	Xã Sà Phìn	448,53
16	Xã Sính Lũng	959,60
17	Xã Lũng Táo	730,50
18	Xã Thài Phìn Tủng	544,88
19	Xã Hồ Quảng Phìn	948,84

1.2. Hiện trạng sử dụng đất rừng đặc dụng

Trên địa bàn huyện Đồng Văn hiện nay không có đất rừng đặc dụng

1.3. Hiện trạng sử dụng đất rừng sản xuất

Diện tích là 711,41 ha (trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên có diện tích 140,56 ha), chiếm 1,58 % tổng diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn hầu hết các xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu ở TT Đồng Văn và xã Má Lè. Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, danh nghiệp và nhân dân trồng rừng trên diện tích đất chưa sử dụng nhằm nâng cao độ che phủ rừng, bảo vệ đất, môi trường và tăng thu nhập.

Diện tích đất rừng sản xuất được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

STT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	232,10
2	TT Phó Bảng	23,80
3	Xã Sủng Trái	19,80
4	Xã Lũng Thầu	7,55
5	Xã Phó Là	3,35
6	Xã Má Lè	107,49
7	Xã Lũng Cú	39,27
8	Xã Vần Chải	15,84
9	Xã Sủng Là	65,17
10	Xã Sảng Tùng	2,36
11	Xã Tả Phìn	19,93
12	Xã Tả Lũng	3,56
13	Xã Lũng Phìn	18,37
14	Xã Phó Cáo	51,34
15	Xã Sà Phìn	1,05
16	Xã Sính Lũng	0,95
17	Xã Lũng Táo	15,75
18	Xã Thái Phìn Tùng	82,04
19	Xã Hồ Quảng Phìn	1,68

2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất

Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất trên địa bàn huyện Đồng Văn năm 2024 với diện tích 27,50 ha cụ thể đến các xã, thị trấn như sau:

STT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	12,55
2	TT Phó Bảng	0,50
3	Xã Sủng Trái	0,40
4	Xã Lũng Thầu	0,00
5	Xã Phó Là	1,55
6	Xã Má Lè	2,40
7	Xã Lũng Cú	1,50
8	Xã Vần Chải	0,61
9	Xã Sủng Là	1,20
10	Xã Sảng Tủng	0,00
11	Xã Tả Phìn	0,00
12	Xã Tả Lũng	2,24
13	Xã Lũng Phìn	1,00
14	Xã Phó Cáo	1,06
15	Xã Sà Phìn	0,00
16	Xã Sính Lũng	0,02
17	Xã Lũng Táo	0,12
18	Xã Thái Phìn Tủng	2,35
19	Xã Hồ Quảng Phìn	0,00

3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

Trên địa bàn huyện Đồng Văn không có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 với mục đích trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất trong năm kế hoạch.

4. Đánh giá tác động đến môi trường, kinh tế - xã hội

Chuyển đổi 27,50 ha diện tích đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp đã tác động đến thiên nhiên, lượng cây xanh bị sụt giảm do vậy mà việc xử lý khí thải ra trên địa bàn huyện cũng bị sụt giảm, ngoài ra còn ảnh hưởng một phần đến việc sản xuất lâm nghiệp. Tuy nhiên huyện cũng đã có những chính sách, biện pháp khắc phục phần đất bị suy giảm. Diện tích đất rừng sản xuất

giảm để thực hiện các công trình công cộng phục vụ nhu cầu của người dân và các ngành.

=> Diện tích đất rừng sản xuất bị suy giảm đã gây ảnh hưởng tương đối lớn đến vấn đề môi trường tuy nhiên huyện Đồng Văn cũng đã có những chính sách, biện pháp để giảm thiểu các biến đổi khí hậu, nhờ đó đã tạo điều kiện cho các công trình, dự án công cộng trên địa bàn huyện được xây dựng đáp ứng nhu cầu của người dân. Ngoài ra còn tạo điều kiện cho việc thúc đẩy phát triển các ngành, các lĩnh vực. Hướng tới phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội huyện Đồng Văn.

MỤC 3. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

1. Hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích là 7,77 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn 09 xã, thị trấn. Diện tích đất ao, hồ có thể đưa vào nuôi trồng thủy sản không nhiều. Vì vậy, cần khuyến khích nhân dân tận dụng diện tích để nuôi trồng thủy sản.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được phân bố cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

STT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	3,06
2	TT Phó Bảng	0,01
3	Xã Sủng Trái	0,00
4	Xã Lũng Thầu	0,00
5	Xã Phó Là	0,50
6	Xã Má Lề	0,02
7	Xã Lũng Cú	1,97
8	Xã Vần Chải	0,00
9	Xã Sủng Là	0,21
10	Xã Sảng Tùng	0,00
11	Xã Tả Phìn	0,02
12	Xã Tả Lũng	0,00
13	Xã Lũng Phìn	0,00
14	Xã Phó Cáo	1,88
15	Xã Sà Phìn	0,00
16	Xã Sính Lũng	0,00
17	Xã Lũng Táo	0,00
18	Xã Thái Phìn Tùng	0,11
19	Xã Hồ Quang Phìn	0,00

Xã có diện tích đất nuôi trồng thủy sản lớn nhất là TT Đồng Văn, Xã Lũng Cú; xã Phó Cáo.; các xã còn lại diện tích không lớn như Xã Thái Phìn Tùng, xã Sủng Là...

2. Xác định khu vực cần chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản trogn năm kế hoạch

Trong năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Văn không có kế hoạch đưa đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang mục đích khác.

3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

Trong năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Văn không có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 với mục đích nuôi trồng thủy sản trong năm kế hoạch.

MỤC 4. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP

1. Hiện trạng sử dụng đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

1.1. Hiện trạng sử dụng đất thương mại - dịch vụ

Diện tích hiện trạng đất thương mại dịch vụ là 3,74 ha. Phân bổ trên địa bàn 04 xã, thị trấn với diện tích như sau:

TT	ĐVHC	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Đồng Văn	3,32	3	Xã Lũng Cú	0,13
2	Thị trấn Phố Bàng	0,18	4	Xã Lũng Phìn	0,11

Thời gian qua, lĩnh vực thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện Đồng Văn tiếp tục phát triển khá thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia. Hoạt động này đã đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa và bình ổn thị trường. Giá cả các mặt hàng thiết yếu cũng biến động không đáng kể, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu, tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Hiện trạng sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Văn là 1,50 ha. Phân bổ trên địa bàn 04 xã, thị trấn.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	ĐVHC	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Đồng Văn	0,59	3	Xã Lũng Thầu	0,06
2	Thị trấn Phố Bàng	0,78	4	Xã Lũng Phìn	0,07

2. Xác định khu vực chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng đất thương mại, dịch vụ trong năm kế hoạch

2.1. Mục tiêu

Quá trình hội nhập và tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa việc bảo vệ diện

tích đất nông nghiệp với việc phát triển đô thị, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Phát huy nội lực, tập trung vốn đầu tư cho phát triển kinh tế. Sử dụng hiệu quả sự đầu tư hỗ trợ của TW, của tỉnh; thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng mới các điểm dịch vụ thương mại. Tăng cường vận động các thành phần kinh tế đầu tư nâng cấp các khách sạn nhà hàng, khu vui chơi giải trí; mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường.

2.2. Khu vực chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch

- Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện Đến năm 2024 tăng thêm 11,95 ha, Khu vực chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng khu thương mại, dịch vụ đăng ký trong năm kế hoạch tại các xã, thị trấn sau:

TT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Đồng Văn	6,55
2	Thị trấn Phố Bàng	0,22
3	Xã Tả Lùng	4,24
4	Xã Sà Phìn	0,28
5	Xã Lũng Cú	0,66

- Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2024 tăng thêm 0,86 ha. Khu vực chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đăng ký trong năm kế hoạch là tại thị trấn Đồng Văn để thực hiện công trình: Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)).

3. Đánh giá tác động đến môi trường, kinh tế - xã hội

Dự kiến thực hiện các khu đất thương mại, dịch vụ đã tác động đến cảnh quan, sinh thái trên địa bàn huyện, việc xây dựng các khu du lịch, các nhà hàng, các cửa hàng xăng dầu đã một phần ảnh hưởng đến môi trường thiên nhiên, làm thay đổi một số cảnh quan. Tuy nhiên việc sử dụng vào mục đích thương mại cũng đem lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển huyện Đồng Văn trong tương lai nhờ được xây dựng các công trình thiết yếu thu hút khách du lịch, đáp ứng nhu cầu của người dân, ...

Nói chung việc xây dựng khu thương mại, dịch vụ có gây ảnh hưởng đến môi trường nhưng nằm trong tầm kiểm soát và xử lý các vấn đề về môi trường của huyện Đồng Văn nhờ các chính sách và các biện pháp được đề ra.

MỤC 5. CHUYÊN ĐỀ ĐẤT ĐÔ THỊ, ĐẤT GIAO THÔNG, ĐẤT THỦY LỢI

1. Hiện trạng sử dụng đất đô thị, đất giao thông, đất thủy lợi

1.1 Hiện trạng sử dụng đất đô thị

Diện tích là 3.746,53, chiếm 8,27% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất đô thị được phân bổ cho các 2 thị trấn Đồng Văn và Phố Bàng, cụ thể như sau:

TT	ĐVHC	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Đồng Văn	2.699,21	2	Thị trấn Phố Bàng	1.047,33

1.2. Hiện trạng sử dụng đất giao thông

Diện tích là 606,35 ha, chiếm 1,34% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ tại 19 xã, thị trấn trên địa bàn huyện:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	90,11
2	TT Phố Bàng	22,34
3	Xã Sủng Trái	38,86
4	Xã Lũng Thầu	9,53
5	Xã Phó Là	13,73
6	Xã Má Lé	43,50
7	Xã Lũng Cú	54,01
8	Xã Vân Chải	25,66
9	Xã Sủng Là	33,11
10	Xã Sảng Tủng	24,88
11	Xã Tả Phìn	20,48
12	Xã Tả Lũng	30,52
13	Xã Lũng Phìn	25,48
14	Xã Phó Cáo	34,59
15	Xã Sà Phìn	20,34
16	Xã Sinh Lũng	21,17
17	Xã Lũng Táo	31,15
18	Xã Thài Phìn Tủng	50,66
19	Xã Hồ Quảng Phìn	16,23

1.3. Hiện trạng sử dụng đất thủy lợi

Diện tích là 22,24 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố tại 19 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, trong đó:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	TT Đồng Văn	2,31
2	TT Phó Bảng	0,42
3	Xã Sủng Trái	3,41
4	Xã Lũng Thầu	0,14
5	Xã Phó Là	0,00
6	Xã Má Lè	0,18
7	Xã Lũng Cú	2,23
8	Xã Vân Chải	0,57
9	Xã Sủng Là	2,01
10	Xã Sảng Tủng	1,44
11	Xã Tả Phìn	0,41
12	Xã Tả Lũng	0,00
13	Xã Lũng Phìn	0,57
14	Xã Phó Cáo	2,43
15	Xã Sà Phìn	1,01
16	Xã Sính Lũng	0,94
17	Xã Lũng Táo	0,46
18	Xã Thài Phìn Tủng	2,78
19	Xã Hồ Quảng Phìn	0,93

Mạng lưới sông, suối của huyện Đồng Văn dày đặc, nhưng mật độ không đều, nhiều thác ghềnh thuận lợi cho việc xây dựng, phát triển thủy điện và hồ chứa nước, để cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất tại địa phương, đồng thời dùng nước cung cấp cho dân sinh, cho sản xuất nông lâm nghiệp. Các hồ thủy điện lớn còn góp phần cung cấp nước cho vùng đồng bằng trong mùa kiệt, đồng thời chống lũ trong mùa mưa. Trong thời gian tới công tác thủy lợi cần phải được quan tâm đầu tư phát triển.

2. Xác định cụ thể khu vực chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng khu đô thị, quy hoạch mở mới, nâng cấp cải tạo đường giao thông, hệ thống thủy lợi trong trong năm kế hoạch

- Đất giao thông: Nhu cầu đất giao thông trên địa bàn huyện Đến năm 2024 tăng 51,33 ha. Khu vực cần chuyển mục đích để xây dựng hệ thống giao thông trên địa bàn huyện năm 2024 cụ thể như sau:

+	TT Đồng Văn	:	7,35
+	TT Phố Bàng	:	2,10
+	Xã Sủng Trái	:	2,80
+	Xã Lũng Thầu	:	0,00
+	Xã Phố Là	:	5,20
+	Xã Ma Lé	:	5,66
+	Xã Lũng Cú	:	4,78
+	Xã Vàn Chải	:	3,30
+	Xã Sủng Là	:	5,70
+	Xã Sáng Tủng	:	0,00
+	Xã Tả Phìn	:	3,61
+	Xã Tả Lũng	:	2,00
+	Xã Lũng Phìn	:	0,84
+	Xã Phố Cáo	:	4,20
+	Xã Sà Phìn	:	1,20
+	Xã Sính Lũng	:	0,00
+	Xã Lũng Táo	:	0,00
+	Xã Thài Phìn Tủng	:	2,60
+	Xã Hồ Quang Phìn	:	0,00

- Đất thủy lợi: Đến năm 2024, nhu cầu đất thủy lợi của huyện tăng 2,15 ha tại thị trấn Đồng Văn để xây dựng công trình: Hồ dự trữ nước và điều tiết thủy lợi thị trấn Đồng Văn

3. Đánh giá tác động đến môi trường, kinh tế - xã hội

Dự kiến thực hiện các khu đất đô thị đã tác động đến cảnh quan, sinh thái trên địa bàn huyện, việc xây dựng các khu đô thị đã một phần ảnh hưởng đến môi trường như: khói bụi từ vật liệu xây dựng, rác thải tăng lên, ... Tuy nhiên việc sử dụng vào mục đích đô thị cũng đem lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển huyện Đồng Văn trong tương lai và đáp ứng nhu cầu của người dân, ...

Để xây dựng các tuyến đường giao thông đã tác động đến môi trường trên địa bàn huyện, việc xây dựng các tuyến đường đã một phần ảnh hưởng đến môi trường như: khói bụi từ vật liệu xây dựng, khí thải các phương tiện, tiếng ồn, ... Tuy nhiên việc sử dụng vào mục đích đất giao thông cũng đem lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển huyện Đồng Văn trong tương lai và đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương của người dân,

Việc nâng cấp, xây kè, mở rộng các tuyến thủy lợi đã tác động đến môi trường trên địa bàn huyện. Tuy nhiên việc sử dụng vào mục đích đất thủy lợi cũng đem lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện Đồng Văn và đồng thời đáp ứng nhu cầu tưới tiêu trong sản xuất của người dân, ...

MỤC 6. CHUYÊN ĐỀ KHU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, KHU LÂM NGHIỆP, KHU ĐÔ THỊ, KHU THƯƠNG - MẠI DỊCH VỤ, KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

I. Mục tiêu

Là cơ sở để các cấp các ngành quản lý khai thác hợp lý, hiệu quả.

Việc khoanh định các khu sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn...là tiền đề để kiểm soát sự phát triển không gian lãnh thổ trong phạm vi của huyện trong tương lai.

II. Xác định các khu vực sản xuất nông nghiệp lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn

- Khu vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Đồng Văn trong năm kế hoạch 2024 có tổng diện tích 1.083,37 ha, cụ thể đến các đơn vị xã, thị trấn như sau:

+	Thị trấn Đồng Văn	:	196,74
+	Xã Sủng Trái	:	76,13
+	Xã Lũng Thầu	:	7,24
+	Xã Phố Là	:	4,49
+	Xã Má Lề	:	54,15
+	Xã Lũng Cú	:	156,03
+	Xã Vàn Chải	:	133,41
+	Xã Sủng Là	:	38,37
+	Xã Sảng Tủng	:	5,63
+	Xã Tả Phìn	:	7,16
+	Xã Tả Lũng	:	5,64
+	Xã Lũng Phìn	:	29,48
+	Xã Phố Cáo	:	46,17
+	Xã Sà Phìn	:	160,02
+	Xã Sính Lũng	:	5,23
+	Xã Lũng Táo	:	16,61
+	Xã Thài Phìn Tủng	:	8,99
+	Xã Hồ Quang Phìn	:	120,62

- Khu lâm nghiệp trên địa bàn huyện Đồng Văn trong năm kế hoạch Đến năm 2024 có tổng diện tích 18.643,50 ha, cụ thể đến các đơn vị xã, thị trấn như sau:

+	TT Đồng Văn	:	953,52
+	TT Phó Bảng	:	613,57
+	Xã Sủng Trái	:	744,34
+	Xã Lũng Thầu	:	597,83
+	Xã Phó Là	:	718,13
+	Xã Má Lé	:	2.068,37
+	Xã Lũng Cú	:	1.452,66
+	Xã Vần Chải	:	896,74
+	Xã Sủng Là	:	710,52
+	Xã Sảng Tủng	:	1.187,35
+	Xã Tả Phìn	:	1.275,17
+	Xã Tả Lũng	:	1.457,69
+	Xã Lũng Phìn	:	338,14
+	Xã Phó Cáo	:	1.898,15
+	Xã Sà Phìn	:	449,58
+	Xã Sính Lũng	:	960,53
+	Xã Lũng Táo	:	746,13
+	Xã Thài Phìn Tủng	:	624,57
+	Xã Hồ Quảng Phìn	:	950,52

- Khu du lịch trên địa bàn huyện Đồng Văn trong kế hoạch Đến năm 2024 có tổng diện tích 10,49 ha, cụ thể đến các đơn vị xã, thị trấn như sau:

+	TT Đồng Văn	:	2,16
+	Xã Má Lé	:	0,32
+	Xã Lũng Cú	:	7,45
+	Xã Sủng Là	:	0,02
+	Xã Phó Cáo	:	0,01
+	Xã Sà Phìn	:	0,54

- Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn huyện Đồng Văn trong năm kế hoạch Đến năm 2024 có tổng diện tích 27.270,69 ha, cụ thể đến các đơn vị xã, thị trấn như sau:

+	TT Đồng Văn	:	1.492,16
+	TT Phó Bảng	:	659,05
+	Xã Sủng Trái	:	1.222,37
+	Xã Lũng Thầu	:	792,93
+	Xã Phó Là	:	921,48
+	Xã Má Lé	:	2.641,93

+	Xã Lũng Cú	:	1.730,60
+	Xã Vân Chải	:	1.050,10
+	Xã Sủng Là	:	1.324,69
+	Xã Sảng Tủng	:	1.966,46
+	Xã Tả Phìn	:	1.864,13
+	Xã Tả Lũng	:	1.955,77
+	Xã Lũng Phìn	:	1.058,33
+	Xã Phó Cáo	:	2.299,35
+	Xã Sà Phìn	:	882,93
+	Xã Sính Lũng	:	1.494,87
+	Xã Lũng Táo	:	1.258,79
+	Xã Thài Phìn Tủng	:	1.459,61
+	Xã Hồ Quảng Phìn	:	1.195,14

- Khu đô thị trên địa bàn huyện Đồng Văn trong năm kế hoạch Đến năm 2024 có tổng diện tích 72,03 ha, cụ thể đến các đơn vị như sau:

+	Thị trấn Đồng Văn	:	57,30
+	Thị trấn Phó Bảng	:	14,73

- Khu thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện Đồng Văn trong năm kế hoạch Đến năm 2024 có tổng diện tích 15,69 ha, cụ thể đến các đơn vị như sau:

+	TT Đồng Văn	:	9,87
+	TT Phó Bảng	:	0,40
+	Xã Lũng Cú	:	0,79
+	Xã Tả Lũng	:	4,24
+	Xã Lũng Phìn	:	0,11
+	Xã Sà Phìn	:	0,28

- Khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đồng Văn trong năm kế hoạch Đến năm 2024 có tổng diện tích 544,22 ha, cụ thể đến các đơn vị xã như sau:

+	Xã Sủng Trái	:	46,75
+	Xã Lũng Thầu	:	53,31
+	Xã Phó Là	:	25,15
+	Xã Má Lé	:	36,78
+	Xã Lũng Cú	:	22,92
+	Xã Vân Chải	:	26,22
+	Xã Sủng Là	:	34,46
+	Xã Sảng Tủng	:	26,82
+	Xã Tả Phìn	:	25,95
+	Xã Tả Lũng	:	23,63

Báo cáo các chuyên đề thuộc KHSDĐ năm 2024 huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

+	Xã Lũng Phìn	:	34,71
+	Xã Phó Cáo	:	40,86
+	Xã Sà Phìn	:	24,57
+	Xã Sính Lũng	:	30,20
+	Xã Lũng Táo	:	27,86
+	Xã Thái Phìn Tủng	:	40,21
+	Xã Hồ Quảng Phìn	:	23,83

- Khu ở, làng nghề, sản xuất phi công nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện Đồng Văn trong năm kế hoạch Đến năm 2024 có tổng diện tích 2,14 ha, cụ thể đến các đơn vị xã, thị trấn như sau:

+	TT Đồng Văn	:	1,37
+	TT Phó Bảng	:	0,65
+	Xã Lũng Thâu	:	0,06
+	Xã Lũng Phìn	:	0,07

PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Các giải pháp để việc sử dụng đất đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững như có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển dịch vụ, du lịch đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại các vùng.

Đối với đất nông nghiệp phải áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của huyện. Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi, hạn chế sâu bệnh, để có năng suất cao, chất lượng tốt.

Bố trí đất cho phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công trình phúc lợi xã hội và mở rộng khu dân cư theo hướng lựa chọn những khu vực ít đất trồng lúa hoặc những vị trí canh tác gặp nhiều khó khăn; hạn chế quy hoạch ở những vị trí trồng lúa thuận lợi, năng suất cao, chất lượng tốt.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Nâng cao trình độ trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho những cán bộ công chức làm công tác quản lý đất đai dưới hình thức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn thường xuyên để có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực giúp cho Ủy ban Nhân dân các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai quy định.

Huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch. Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh thông qua các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh việc huy động vốn trong nhân dân bằng các hình thức tín dụng tài chính và phương thức “nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Khuyến khích, hướng dẫn hộ gia đình có nhu cầu chuyển mục đích đất vườn nhà sang đất ở, để an sinh xã hội, tạo nguồn thu ngân sách nhưng không phải bồi thường, thuận lợi trong quản lý đất đai, quản lý xây dựng, hỗ trợ giúp đỡ hộ gia đình cùng tổ chức kinh tế thỏa thuận bồi thường đất, góp vốn bằng đất tại các dự án phát triển kinh tế trên địa bàn huyện.

Rà soát và kiên quyết thu hồi những dự án chưa đưa đất vào sử dụng sau thời hạn quy định, sử dụng đất kém hiệu quả để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

4.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Tăng cường công tác quản lý đất đai cấp xã, có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên và ổn định đội ngũ cán bộ địa chính làm

tốt chức năng giúp UBND các cấp thực hiện tốt các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư của các dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng đất có hiệu quả.

Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện xuống đến các địa phương - đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

Cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường của huyện tham mưu cho UBND huyện có biện pháp quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo Luật Đất đai hiện hành, hướng dẫn các ngành sử dụng đất có hiệu quả đi đôi với việc bảo vệ tài nguyên đất và môi trường.

Tổ chức thực hiện tốt các văn bản chính sách đất đai của Nhà nước của tỉnh trên địa bàn huyện như chính sách thuế sử dụng đất, chính sách đền bù, chuyển mục đích sử dụng, chuyển quyền sử dụng...

Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, phát huy tiềm năng, tăng cường thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Đối với các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp với quy hoạch xây dựng công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/4/2017 thì UBND huyện sẽ tổng hợp và trình UBND tỉnh Hà Giang cho phép lập quy hoạch chi tiết, trong đó các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cụ thể của đồ án quy hoạch chi tiết sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

4.4. Các giải pháp khác

Thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho các hộ gia đình thiếu hoặc không còn đất sản xuất do việc thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Chính quyền các cấp, doanh nghiệp phải có kế hoạch hỗ trợ để người bị thu hồi đất ổn định cuộc sống như chính sách tạo việc làm, chính sách an sinh xã hội.

Kinh phí hỗ trợ lấy từ nguồn đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư, hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

Người lao động bị thu hồi đất được hỗ trợ vay vốn ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội để đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

Khi xây dựng chính sách đền bù, tái định cư nên tiến hành tham vấn người bị thu hồi đất để định hướng đào tạo nghề. Đặc biệt chú ý đào tạo nghề

để người dân có thể trở thành công nhân các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại địa phương.

Những chính sách này nên được thực hiện trước khi tiến hành thu hồi đất để người lao động có thể chuyển đổi nghề nghiệp và chuyển đổi sinh kế một cách bền vững.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- “Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đồng Văn, Tỉnh Hà Giang” đảm bảo được cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học của việc lập quy hoạch sử dụng đất theo quy định của văn bản pháp luật về quản lý đất đai.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đồng Văn cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho phát triển các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện, phù hợp với quy hoạch sử dụng đến năm 2030 của huyện Đồng Văn. Có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn trong huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xử lý, tổng hợp các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành từ Trung ương, tỉnh, huyện và các xã, thị trấn trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai. Đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi.

- Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất sẽ nâng hiệu quả sử dụng đất đảm bảo an ninh lương thực.

- Tài liệu tổng hợp toàn bộ các thông tin tài liệu, số liệu, bản đồ về đất đai ở 3 cấp (Tỉnh, huyện, xã) đồng thời đã xử lý tổng hợp hầu hết các nghiên cứu cơ bản trước đây của các cấp, các ngành từ trung ương tới địa phương có liên quan đến đất đai trên địa bàn huyện.

- Nội dung kế hoạch sử dụng đất đã xác định được cụ thể các loại sử dụng đất năm 2024. Sau khi được các ngành chuyên môn của Tỉnh xem xét, đóng góp ý kiến; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang thẩm định và UBND Tỉnh phê duyệt, sẽ tạo cơ sở pháp lý giúp cho công tác quản lý sử dụng đất đai đi vào nề nếp, hiệu quả.

- Các loại đất phát triển cơ sở hạ tầng khác như đất giao thông, thuỷ lợi đến quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của các xã, thị trấn.

- Sự biến động của các loại đất phù hợp với tiềm năng đất đai, quỹ đất sử dụng đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội phù hợp với tiêu chuẩn định mức đất đai theo quy định của Nhà nước, đảm bảo lợi ích hài hoà giữa các ngành trong sự phát triển chung của huyện.

2. Kiến nghị

- Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện Đồng Văn kiến nghị Tỉnh, các Sở ban ngành một số vấn đề sau:

- Tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của huyện.

- Đề nghị Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện quan tâm chỉ đạo UBND các xã, thị trấn trong công tác giao đất ở, đấu giá QSD đất để tăng nguồn thu ngân sách cho Huyện và đề giải quyết nhu cầu đất ở cho nhân dân.

- Để huyện có cơ sở quản lý đất đai theo kế hoạch như quy định của Luật đất đai, UBND huyện Đồng Văn kính trình sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Hà Giang thẩm định và UBND tỉnh Hà Giang sớm xét duyệt đề địa phương thực hiện, làm cơ sở giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Ngành Tài nguyên và Môi trường và các ngành chức năng cần làm tốt công tác tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo thực hiện tốt phương án sử dụng đất và giám sát tiến độ thực hiện các công trình, dự án, các chỉ tiêu sử dụng đất.